TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lò Thanh Tuyền
2. Bà Trần Thương Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thu Hà - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 1 - Lai Châu *tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lai Châu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 151/2026/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2026 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Thào A Ch, sinh năm: 1986
Địa chỉ: Bản P, xã C, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt)
2. Bị đơn: Chị Chang Thị C, Sinh năm: 1986
Địa chỉ: Bản P, xã C, tỉnh Lai Châu (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của anh Thào A Ch là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ch và chị Chang Thị C về chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn do không hiểu biết pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau vui vẻ, hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống bế tắc về tình cảm do điều kiện cuộc sống dẫn đến không hiểu nhau và hay làm tổn thương nhau, từ cuối năm 2025 đến nay anh Ch và chị C sống ly thân. Anh Ch thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Ch có nguyện vọng được ly hôn với chị C.

Về việc nuôi con: Quá trình chung sống anh Ch và chị C có 04 con chung là Cháu Thào Thị S sinh ngày 11/7/2002, cháu Thào Thị Sin G sinh ngày 05/5/2005, cháu Thào Thị L sinh ngày 10/7/2007, cháu Thào Thị Tr, sinh ngày

15/3/2013. Do các cháu S, G, L đã thành niên và có khả năng lao động (cháu Sua, G đều đã có gia đình riêng) nên anh Ch không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn đối với cháu Thào Thị Tr sẽ do chị C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Ch cấp dưỡng nuôi cháu Thào Thị Tr 1.200.000 đồng/ tháng đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: anh Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn chị Chang Thị C: Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị C xác nhận về thời điểm chung sống, diễn biến quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng như anh Ch trình bày. Chị và anh Ch tự nguyện chung sống với nhau. Sau khi kết hôn chị và anh Ch chung sống hạnh phúc đến năm 2025 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được hai bên gia đình tham gia góp ý, hòa giải nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn mâu thuẫn và trầm trọng thêm. Từ khoảng cuối năm 2025, vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, anh Ch đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, chị C nhất trí.

Về việc nuôi con: Chị C trình bày giống ý kiến của anh Ch về việc không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với các con đã thành niên và có khả năng lao động, còn cháu Thào Thị Tr, chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cháu Tr và có yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi cháu Tr số tiền 1.200.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Tr thành niên và có khả năng lao động.

Việc chia tài sản chị C nhất trí với ý kiến của anh Ch là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại UBND xã C, tỉnh Lai Châu và nơi cư trú anh Thào A Ch và chị Chang Thị C (BL 35, 36, 37, 38) thể hiện: anh Thào A Ch và chị Chang Thị C chung sống như vợ chồng từ năm 2000 tại bản P, xã C, tỉnh Lai Châu, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. UBND Pu Sam C qua tra cứu không có tài liệu lưu trữ thể hiện việc anh Thào A Ch và chị Chang Thị C có đăng ký kết hôn theo quy định.

Ý kiến của con chung chưa thành niên: Theo lời khai của cháu Thào Thị Tr (BL 34b) nếu bố mẹ cháu không chung sống với nhau nữa cháu có nguyện vọng được sống với mẹ là chị Chang Thị C.

Tại phiên hòa giải ngày 18/6/2026 anh Thào A Ch và chị Chang Thị C thỏa thuận được chị C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Cha thành niên cháu Thào Thị Tr, sinh ngày 15/3/2013. Anh Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tr số tiền 1.200.000 đồng /tháng, phương thức cấp dưỡng mỗi tháng 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày 15/8/2026 cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

* Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lai Châu

phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Việc Tòa án thụ lý vụ án, quá trình chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 7 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, 483 Bộ luật TTDS, sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC - VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm g khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của HĐTP Toà án nhân dân tối cao ngày 16/5/2024 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án. Đề xuất HĐXX giải quyết về nội dung vụ án hôn nhân và gia đình như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thào A Ch.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa Thào A Ch và chị Chang Thị C là vợ chồng.

- Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự đã thống nhất với nhau về việc nuôi con chung như sau: Chị Chang Thị C được trực tiếp nuôi cháu Thào Thị Tr đến khi đủ tuổi; anh Thào A Ch cấp dưỡng nuôi con chung 1.200.000 đồng/ tháng đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Anh Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng 01 lần/tháng, thời điểm cấp dưỡng là ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 15/8/2026. Anh Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Thào A Ch và chị Chang Thị C đều không yêu cầu do vậy không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng cho anh Thào A Ch.

- Đề nghị ghi nhận và giải thích về quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc nuôi con, chia tài sản chung của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn giữa Thào A Ch và chị Chang Thị C, chị C có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản P, xã C, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 7 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ

luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lai Châu.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Thào A Ch và chị Chang Thị C chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 02 năm 2000, được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Anh Ch và chị C cũng khẳng định quá trình chung sống chưa từng đi đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Việc này phù hợp với kết quả xác minh tại UBND xã C, tỉnh Lai Châu (được sáp nhập từ xã P, H và C, bản P thuộc xã C cũ của huyện Sìn Hồ cũng là nơi cư trú từ trước đến nay của anh Ch, chị C) cho thấy không có tài liệu lưu trữ thể hiện anh Ch, chị C chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn. Vậy, không có căn cứ xác định hôn nhân của anh Ch, chị C là hợp pháp.

Việc anh Ch chị C không thực hiện các quy định của pháp luật khi chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan chức năng có thẩm quyền là vi phạm Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35 của Quốc hội hướng dẫn thi hành luật hôn nhân gia đình năm 2000 (quy định nghĩa vụ đăng ký kết hôn đối với các trường hợp nam nữ sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn kể từ ngày 01/01/2001 cho đến ngày 01/01/2003). Xét đơn khởi kiện của anh Ch yêu cầu Tòa án cho anh và chị C ly hôn là có cơ sở. Vì vậy, căn cứ Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh Thào A Ch.

[3] Về việc nuôi con: anh Thào A Ch và chị Chang Thị C không yêu cầu xem xét đối với các con Cha thành niên và có khả năng lao động gồm cháu Thào Thị Sua sinh ngày 11/7/2002, cháu Thào Thị Sin G sinh ngày 05/5/2005, cháu Thào Thị L sinh ngày 10/7/2007 nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Thào Thị Tr, sinh ngày 15/3/2013 anh Ch và chị C thỏa thuận chị C là người trực tiếp nuôi cháu Tr cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tr số tiền 1.200.000 đồng /tháng, phương thức cấp dưỡng mỗi tháng 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày 15/8/2026 cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Sự thỏa thuận này của anh Ch và chị C phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 14, 15, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình, điểm g khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của HĐTP Toà án nhân dân tối cao ngày 16/5/2024 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, nên cần căn cứ Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Thào A Ch sinh sống tại bản có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (giai đoạn 2026 – 2030) theo Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo nên được miễn án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 246, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, khoản 2 Điều 53, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC - VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm g khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của HĐTP Toà án nhân dân tối cao ngày 16/5/2024 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thào A Ch.

[1]. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Thào A Ch và chị Chang Thị C

[2]. Về việc nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Thào A Ch và chị Chang Thị C về việc nuôi con Cha thành niên là cháu Thào Thị Tr, sinh ngày 15/3/2013 như sau: chị C là người trực tiếp nuôi cháu Tr cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tr số tiền 1.200.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng mỗi tháng 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày 15/8/2026 cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Thào A Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn và không ai được cản trở anh Ch thực hiện quyền này.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị C có đơn yêu cầu thi hành án, anh Ch Cha thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: anh Ch và chị C không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Anh Thào A Ch được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo lên

Toà án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 1 - Lai Châu;
- Phòng Thi hành án dân sự -khu vực 1 Lai Châu;
- UBND xã Pu Sam Cáp, tỉnh Lai Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Vân Anh